

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10 /NQ-CP

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ
triển khai thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2011 - 2020
và Phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2011 - 2015**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2011 - 2020 và Phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2011 - 2015.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Thành viên Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Các Thành viên Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: Văn thư, KTTT (5b).Q. 160

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ
Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020
và Phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2011 - 2015
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 10 /NQ-CP
ngày 24 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ)

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam đã thông qua Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 và Phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2011 - 2015; trong đó mục tiêu tổng quát của Chiến lược là: “Phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; chính trị - xã hội ổn định, dân chủ, kỷ cương, đồng thuận; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt; độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng lên; tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau.”

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 và Phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2011 - 2015, Chính phủ ban hành Chương trình hành động với những nội dung chính như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Chương trình hành động bao gồm các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu được xác định có tính hệ thống, tổng hợp mà Chính phủ cần tập trung chỉ đạo, tổ chức triển khai nhằm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 và Phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2011 - 2015.

2. Chương trình hành động phải thể hiện được các nội dung cần thể chế hoá của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 và Phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2011 - 2015, vừa đáp ứng được yêu cầu phát triển vừa phù hợp với bối cảnh trong nước và quốc tế.

3. Chương trình hành động là căn cứ để các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương xây dựng Chương trình hành động theo chức năng nhiệm vụ được giao, đồng thời tổ chức triển khai để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể nhằm góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi các mục tiêu Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 và Phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2011 - 2015.

II. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính, trong đó tập trung vào việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp; xây dựng mới hoặc sửa đổi, bổ sung các bộ luật, luật, thực hiện tốt Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội. Hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách về sở hữu, quản lý và sử dụng đất đai, tài nguyên khoáng sản, nước và về quản lý, sử dụng tài sản công. Đổi mới công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển quốc gia và điều hành phát triển kinh tế theo cơ chế thị trường, đồng thời thực hiện tốt chính sách xã hội. Xây dựng cơ chế vận hành đồng bộ thông suốt các loại thị trường (hàng hoá, tài chính, chứng khoán, bất động sản, lao động, khoa học - công nghệ...). Thực hiện Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước theo chương trình hành động được Chính phủ phê duyệt. Thực hiện quản lý giá theo cơ chế thị trường có sự kiểm soát của Nhà nước, xây dựng lộ trình phù hợp điều chỉnh giá một số mặt hàng thiết yếu theo cơ chế giá thị trường. Đẩy mạnh đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Hoàn thiện hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách để đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể với nhiều hình thức mà nòng cốt là hợp tác xã và các nhiệm vụ khác liên quan.

2. Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế đến năm 2020 theo lộ trình phù hợp, trong đó đổi mới quản lý giáo dục, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý là khâu then chốt. Tiếp tục hoàn chỉnh Quy hoạch phát triển nhân lực 2011 - 2020; thu hút và sử dụng nhân tài gắn với phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, dạy nghề; xây dựng hoàn thiện cơ chế, chính sách xã hội hóa giáo dục; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, quan tâm hơn vùng khó khăn, vùng núi, vùng đồng bằng, dân tộc thiểu số. Bổ sung quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực quốc gia; đổi mới và phát triển công tác đào tạo nghề và các nhiệm vụ khác liên quan.

3. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn. Rà soát điều chỉnh, bổ sung quy hoạch hệ thống hạ tầng giao thông quốc gia đồng bộ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng các đô thị lớn. Rà soát tổng sơ đồ điện quốc gia để có kế hoạch đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng điện lực phù hợp.

Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình quốc gia về chống thất thoát, thất thu nước sạch đến năm 2025, Chương trình xử lý chất thải rắn, Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn, Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu; tiếp tục thực hiện các định hướng về cấp, thoát nước, chiếu sáng đô thị. Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển hệ thống thông tin và truyền thông quốc gia. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển hệ thống thủy lợi và thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh nhằm giảm cường độ phát thải khí nhà kính và ứng phó với biến đổi khí hậu. Thành lập Quỹ đầu tư cơ sở hạ tầng và các nhiệm vụ khác liên quan.

4. Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Cải cách thể chế và tăng cường phối hợp trong điều hành kinh tế vĩ mô; đổi mới hệ thống cơ chế, chính sách tài chính - tiền tệ quốc gia nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của nền kinh tế. Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách để nâng cao chất lượng, hiệu quả đầu tư công, nâng cao hiệu quả đầu tư từ nguồn trái phiếu Chính phủ và các nhiệm vụ khác liên quan.

5. Phát triển công nghiệp và xây dựng theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh. Tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, hoá chất, phân bón, vật liệu, cơ khí, công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp sinh học và công nghiệp môi trường. Phát triển các sản phẩm công nghiệp có lợi thế cạnh tranh, có khả năng tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu, ưu tiên phát triển những sản phẩm có chất lượng, giá trị gia tăng cao, áp dụng công nghệ mới, công nghệ sạch, sử dụng tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường. Rà soát, cải cách cơ chế chính sách, quy hoạch, tập trung phát triển các khu công nghiệp, các cụm, nhóm sản phẩm công nghiệp; tiếp tục xây dựng, phát triển các khu công nghệ cao quốc gia và các nhiệm vụ khác liên quan.

6. Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững. Tập trung rà soát, cải cách cơ chế, chính sách, phát triển sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực và an toàn thực phẩm. Phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất công nghiệp. Ổn định quy hoạch ba loại rừng, phát triển kinh tế rừng góp phần từng bước cải thiện đời sống nhân dân trồng và bảo vệ rừng, phát triển các vùng rừng nguyên liệu tập trung, rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn quốc gia. Quy hoạch và phát triển có hiệu quả nghề muối, bảo đảm nhu cầu của đất nước và đời sống diêm dân. Bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học và nguồn gen sinh học quý hiếm quốc gia. Khai thác bền vững, có hiệu quả nguồn lợi thủy, hải sản và phát triển đánh bắt xa bờ, gắn

với bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường biển; rà soát và phát triển giống cây trồng và giống vật nuôi quốc gia. Khuyến khích tập trung ruộng đất, đẩy mạnh phát triển sản xuất hàng hóa lớn với năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh cao trong lĩnh vực nông nghiệp và các nhiệm vụ khác liên quan.

7. Phát triển mạnh các ngành dịch vụ, nhất là các dịch vụ có giá trị cao, tiềm năng lớn và có sức cạnh tranh. Đẩy mạnh phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao (du lịch, hàng hải, hàng không, viễn thông, công nghệ thông tin, y tế); hình thành một số trung tâm dịch vụ, du lịch có tầm cỡ khu vực và quốc tế. Hiện đại hoá và mở rộng các dịch vụ có giá trị gia tăng cao như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, logistics và các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác. Đẩy mạnh tham gia mạng phân phối toàn cầu, phát triển nhanh hệ thống phân phối các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh ở cả trong và ngoài nước; xây dựng thương hiệu hàng hóa và dịch vụ Việt Nam và các nhiệm vụ khác liên quan.

8. Phát triển hài hoà, bền vững các vùng, xây dựng đô thị và nông thôn mới, ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội các địa bàn đặc biệt khó khăn. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội các vùng, vùng kinh tế trọng điểm phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, Chương trình phát triển trung tâm xã, cụm xã quốc gia. Phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển và phát triển kinh tế biển thích ứng biến đổi khí hậu. Đổi mới cơ chế, chính sách, nâng cao chất lượng và quản lý chặt chẽ quy hoạch phát triển đô thị. Thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, chú trọng chương trình nhà ở xã hội, phục vụ người nghèo, vùng khó khăn. Phát triển các hành lang, vành đai kinh tế và các cực tăng trưởng có ý nghĩa đối với cả nước và liên kết trong khu vực và các nhiệm vụ khác liên quan.

9. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội hài hoà với phát triển kinh tế, tập trung giải quyết việc làm và bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Thực hiện tốt, hiệu quả các chính sách lao động, thu nhập của người lao động, xây dựng quan hệ lao động hài hoà, cải thiện môi trường và điều kiện lao động; thực hiện tốt các chính sách ưu đãi đối với người có công, mở rộng các hình thức trợ giúp xã hội, nhất là các đối tượng khó khăn. Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, phát huy giá trị tốt đẹp của văn hóa Việt Nam và tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới; phát triển sản xuất các sản phẩm văn hóa nghệ thuật quốc gia; đổi mới cơ chế và nâng cao hiệu quả quản lý, đẩy mạnh xã hội hóa và đa dạng hóa nguồn lực đối với các lĩnh vực văn

hóa, thông tin, hình thành thị trường sản phẩm văn hóa lành mạnh. Tăng cường phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự an toàn xã hội và kiểm chế tai nạn giao thông. Nâng cao chất lượng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; xây dựng xã, phường, khu phố, thôn, bản đoàn kết, dân chủ, kỷ cương, văn minh, lành mạnh; thực hiện bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ, chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em, xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc và các nhiệm vụ khác liên quan.

10. Phát triển mạnh sự nghiệp y tế, nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân. Xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống dự báo, phòng, chống dịch bệnh và tiêm phòng (bao gồm phát triển hệ thống bệnh viện và trung tâm y tế dự phòng). Triển khai có hiệu quả các biện pháp bảo đảm an toàn thực phẩm, phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm. Nâng cấp hệ thống y tế dự phòng và khám chữa bệnh từ cơ sở đến Trung ương, triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình chống quá tải ở các bệnh viện; đẩy mạnh phát triển dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe chất lượng cao; tiến tới thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân; hoàn thiện chính sách bảo hiểm y tế, triển khai bảo hiểm y tế theo nhu cầu xã hội và chính sách viện phí. Đẩy mạnh xã hội hóa và đa dạng nguồn lực đối với các lĩnh vực y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình và thể dục thể thao; nâng cao chất lượng dinh dưỡng và sức khỏe, tầm vóc con người Việt Nam. Phát triển công nghiệp sản xuất thuốc, chú trọng thuốc từ dược liệu, vắc-xin và sinh phẩm y tế, bảo tồn và phát triển nguồn cây thuốc, vườn thuốc quốc gia. Thực hiện tốt chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình quốc gia. Đẩy mạnh phát triển thể dục thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao và các nhiệm vụ khác liên quan.

11. Phát triển khoa học và công nghệ thực sự là động lực then chốt của quá trình phát triển nhanh và bền vững. Tập trung tái cơ cấu đầu tư khoa học, công nghệ nhằm tạo ra sản phẩm công nghệ cao, đầu tư xây dựng một số viện nghiên cứu trọng điểm đầu ngành và một số trường đại học nghiên cứu đạt trình độ khu vực và quốc tế. Xây dựng các trung tâm nghiên cứu và đổi mới sáng tạo quốc gia, trung tâm ươm tạo công nghệ và doanh nghiệp công nghệ cao tại các khu công nghệ cao. Xây dựng hệ thống chuẩn đo lường quốc gia, hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia và đánh giá sự phù hợp đạt chuẩn mực quốc tế phục vụ có hiệu quả việc nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam; xây dựng hệ thống thông tin quốc gia và hệ thống dự báo, cảnh báo quốc gia. Đổi mới tổ chức, cơ chế quản lý và hoạt động khoa học - công nghệ; đẩy mạnh ứng dụng và phát triển các công nghệ xanh, sạch, tiết kiệm năng lượng và sử dụng năng lượng sạch, vật liệu mới, sử dụng tiết kiệm tài nguyên. Thực hiện Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia, Chương trình sản phẩm quốc gia và Chương trình quốc

gia phát triển công nghệ cao. Xây dựng và triển khai lộ trình phát triển kinh tế tri thức đến năm 2020; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học xã hội, nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, cung cấp luận cứ khoa học cho phát triển đất nước trong giai đoạn mới và các nhiệm vụ khác liên quan.

12. Bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách về bảo vệ môi trường; thực hiện các chương trình xử lý ô nhiễm, suy thoái, bảo vệ môi trường. Xây dựng tiêu chuẩn và đánh giá chất lượng môi trường quốc gia; xây dựng và hiện đại hóa hệ thống dự báo thiên tai và biến đổi khí hậu quốc gia. Rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách bảo vệ, khai thác tài nguyên biển, đất, nước, khoáng sản chủ yếu; hạn chế xuất khẩu tài nguyên chưa qua chế biến. Tiếp tục hoàn thiện, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó biến đổi khí hậu, nhất là nước biển dâng, phòng chống sa mạc hóa và các nhiệm vụ khác liên quan.

13. Mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Xây dựng và tiếp tục thực hiện các chương trình hành động triển khai quan hệ đối tác toàn diện, đối tác chiến lược giữa Việt Nam và một số quốc gia, vùng lãnh thổ. Xây dựng chiến lược đầu tư nước ngoài theo hướng thu hút các đối tác lớn có công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường và tăng cường sự liên kết với các doanh nghiệp trong nước; nâng cao chất lượng và hiệu quả đầu tư ra nước ngoài. Phát huy vai trò và nguồn lực của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài vào phát triển đất nước. Chủ động và nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế và các nhiệm vụ khác liên quan.

14. Giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Tập trung hoàn thành phân giới cắm mốc biên giới đất liền và bảo đảm an ninh biên giới, phân định ranh giới trên biển và bảo đảm an ninh trên biển; nâng cao năng lực quản lý, bảo vệ biên giới. Quy hoạch xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng; phát triển công nghiệp hỗ trợ công tác bảo đảm an ninh và trật tự an toàn xã hội; bảo đảm an ninh kinh tế; bảo đảm tài chính, hậu cần, kỹ thuật phục vụ có hiệu quả công tác giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Phát triển kinh tế kết hợp với bảo đảm quốc phòng – an ninh ở những vùng trọng yếu và các nhiệm vụ khác liên quan.

15. Tiếp tục hoàn thiện bộ máy Nhà nước, tạo bước chuyển mạnh về cải cách hành chính, đẩy mạnh cải cách lập pháp, hành pháp và tư pháp, hoàn thiện cơ chế phân cấp, bảo đảm quản lý thống nhất về quy hoạch và định hướng phát triển. Thực hiện có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành

chính Nhà nước giai đoạn 2011 - 2020; cải cách chính sách việc làm, tiền lương, thu nhập, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công. Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ và hệ thống chính quyền địa phương. Nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội. Tiếp tục đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, lãng phí, tạo chuyển biến tích cực, rõ rệt, củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước; thực hiện có hiệu quả chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng. Nghiên cứu kết hợp tổ chức và hoạt động thanh tra với tổ chức và hoạt động kiểm tra của Đảng. Đổi mới và hoàn thiện chế độ cung cấp thông tin và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng trước nhân dân; tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; hoàn thiện cơ chế để nhân dân đóng góp ý kiến, phản biện xã hội và giám sát công việc của Đảng và Nhà nước, nhất là về các chính sách kinh tế, xã hội, về quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển quan trọng và các nhiệm vụ khác liên quan.

III. TÔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và các nhiệm vụ cụ thể trong Chương trình hành động của Chính phủ có trách nhiệm xây dựng, ban hành Chương trình hành động thuộc phạm vi quản lý, trong đó phải thể hiện bằng các đề án, chương trình, giải pháp, nhiệm vụ, lộ trình triển khai thực hiện và phân công trách nhiệm cụ thể, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong quý II năm 2012, đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo theo quy định. Trên cơ sở Chương trình hành động, cụ thể hoá thành các nhiệm vụ trong kế hoạch công tác hàng năm của từng Bộ, cơ quan, địa phương. Đối với những nhiệm vụ đã rõ ràng, đã có văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, không cần phải xây dựng thêm đề án, các Bộ, cơ quan, địa phương tổ chức triển khai ngay, bảo đảm thực hiện kịp thời và có hiệu quả những nội dung của Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động của Bộ, cơ quan, địa phương.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ và của từng Bộ, cơ quan, địa phương; định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện với Thủ tướng Chính phủ, đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi và tổng hợp theo quy định. Trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình hành động, trường hợp cần sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ cụ thể, các Bộ, cơ quan, địa phương chủ động đề xuất, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, địa phương theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này, định kỳ báo cáo và kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Chương trình hành động; bám sát các nội dung liên quan trong chương trình làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quốc hội để thực hiện việc báo cáo theo quy định.

4. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Bộ, cơ quan, địa phương làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền nhằm tạo đồng thuận xã hội, phát huy tinh thần nỗ lực của các ngành, các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân để phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng thông qua./,

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng



PHỤ LỤC

Phân công nhiệm vụ chủ yếu thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ triển khai Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 và Phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2011 - 2015
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 10 /NQ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì ¹ , đầu mối tổng hợp ²	Thời gian phê duyệt ³ , thực hiện ⁴
I	Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa		
1	Đề xuất của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992	Bộ Tư pháp	2012
2	Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh hàng năm	Bộ Tư pháp	hàng năm
3	Xây dựng mới hoặc sửa đổi, bổ sung các bộ luật, luật nhằm triển khai Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội	các Bộ, cơ quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao	hàng năm
4	Hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách về sở hữu, quản lý và sử dụng đất đai, tài nguyên khoáng sản, nước	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2012
5	Hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách về sở hữu, quản lý và sử dụng tài sản công	Bộ Tài chính	2012
6	Đề án đổi mới công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển quốc gia và điều hành phát triển kinh tế theo cơ chế thị trường	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2013
7	Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước theo chương trình hành động được Chính phủ phê duyệt	Bộ Tài chính	2012

¹ Cơ quan chủ trì là cơ quan được phân công soạn thảo các chiến lược, đề án, chương trình, kế hoạch trong danh mục này (gọi chung là đề án).

² Cơ quan được phân công làm nhiệm vụ đầu mối tổng hợp đối với các nhiệm vụ chưa được xác định cụ thể thành đề án. Cơ quan đầu mối tổng hợp chịu trách nhiệm đề xuất danh mục đề án, chương trình, kế hoạch cụ thể, phân công chủ trì và tiến độ thực hiện; đối với những việc đang thực hiện thì chịu trách nhiệm là đầu mối trong việc đôn đốc, theo dõi, tổng hợp, báo cáo theo quy định.

³ Thời gian phê duyệt là thời gian trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án.

⁴ Thời gian thực hiện là thời gian bắt đầu thực hiện nhiệm vụ đối với các nhiệm vụ nêu tại mục chú thích số 2 nói trên.

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì ¹ , đầu mối tổng hợp ²	Thời gian phê duyet ³ , thực hiện ⁴
8	Đề án tái cấu trúc thị trường chứng khoán và các công ty chứng khoán	Bộ Tài chính	2012
9	Chiến lược phát triển doanh nghiệp nhà nước đến năm 2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2014
10	Quản lý giá theo cơ chế thị trường có sự kiểm soát của Nhà nước, xây dựng lộ trình điều chỉnh giá một số mặt hàng thiết yếu theo cơ chế giá thị trường	Bộ Tài chính	2012
11	Đề án đổi mới cơ chế tài chính đơn vị sự nghiệp công lập	Bộ Tài chính	2013
12	Đề án tạo lập đồng bộ và vận hành thông suốt các loại thị trường (hàng hoá, tài chính, chứng khoán, bất động sản, lao động, khoa học, công nghệ)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2013
13	Hoàn thiện hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách để đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể với nhiều hình thức mà nòng cốt là hợp tác xã	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2013
14	Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2012
II	Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao		
15	Chiến lược phát triển dạy nghề đến năm 2020, Chương trình mục tiêu quốc gia việc làm và dạy nghề giai đoạn 2012 - 2015	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2012
16	Đề án đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2012
17	Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2020	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2012
18	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực quốc gia	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2012
19	Chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục và đào tạo giai đoạn 2012 - 2015	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2012
20	Đề án xây dựng xã hội học tập đến năm 2020	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2012
21	Đề án phát triển đội ngũ trí thức đến năm 2020	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo	2012

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì¹, đầu mối tổng hợp²	Thời gian phê duyet³, thực hiện⁴
III	Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ		
22	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch hệ thống hạ tầng giao thông quốc gia đồng bộ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Bộ Giao thông vận tải	2012
23	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng các đô thị lớn	Bộ Xây dựng	2012
24	Đề án xây dựng khu công nghệ thông tin trọng điểm quốc gia nhằm đưa Việt Nam trở thành nước mạnh về công nghệ thông tin	Bộ Thông tin và Truyền thông	2012
25	Đề án chống thất thoát, thất thu nước sạch và xử lý chất thải rắn quốc gia	Bộ Xây dựng	2012
26	Rà soát và phát triển hệ thống thủy lợi, tưới tiêu và đê sông, đê biển và các công trình ngập mặn và xả lũ quốc gia; tiếp tục xây dựng các công trình phòng chống thiên tai và các khu neo đậu tàu thuyền	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2013
27	Đề án phát triển hệ thống hạ tầng điện lực	Bộ Công Thương	2012
28	Đề án thành lập Quỹ đầu tư cơ sở hạ tầng	Bộ Tài chính	2012
IV	Ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế		
29	Đề án tổng thể tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2012
30	Đề án cải cách thể chế và tăng cường phối hợp và điều hành kinh tế vĩ mô giai đoạn 2011 - 2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2012
31	Rà soát, sắp xếp, nâng cao hiệu quả đầu tư công, nâng cao hiệu quả đầu tư từ nguồn trái phiếu Chính phủ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2012
32	Chiến lược tài chính đến năm 2020	Bộ Tài chính	2012
33	Chiến lược nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030	Bộ Tài chính	2012

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì¹, đầu mối tổng hợp²	Thời gian phê duyet³, thực hiện⁴
34	Đề án xây dựng hệ thống thông tin quốc gia và hệ thống dự báo, cảnh báo quốc gia về kinh tế vĩ mô	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2013
V	Phát triển công nghiệp và xây dựng		
35	Quy hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Bộ Công Thương	2012
36	Đề án phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản quốc gia	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2013
37	Đề án phát triển công nghiệp cơ khí	Bộ Công Thương	2013
38	Đề án phát triển công nghiệp công nghệ thông tin	Bộ Thông tin và Truyền thông	2012
39	Đề án phát triển công nghiệp sinh học và công nghiệp môi trường	Bộ Công Thương	2013
40	Đề án phát triển các sản phẩm công nghiệp có lợi thế cạnh tranh, có khả năng tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu	Bộ Công Thương	2013
41	Đề án phát triển công nghiệp hóa chất và phân bón quốc gia	Bộ Công Thương	2013
42	Đề án phát triển công nghiệp vật liệu quốc gia, ưu tiên những ngành có chất lượng cao và áp dụng công nghệ mới	Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng theo chức năng, nhiệm vụ được giao	2013
43	Đề án phát triển năng lực nghiên cứu, thiết kế, chế tạo sản phẩm mới, công nghệ cao	Bộ Khoa học và Công nghệ	2013
44	Rà soát và phát triển các khu công nghiệp, các cụm công nghiệp; tiếp tục xây dựng, phát triển các khu công nghệ cao quốc gia	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2012
45	Rà soát và phát triển các cụm nhóm sản phẩm (cluster) công nghiệp	Bộ Công Thương	2012
VI	Phát triển nông nghiệp		
46	Rà soát, cải cách cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp, bảo đảm an ninh lương thực và an toàn thực phẩm	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2013

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì ¹ , đầu mối tổng hợp ²	Thời gian phê duyet ³ , thực hiện ⁴
47	Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản giai đoạn 2013-2020	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2012
48	Rà soát phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất công nghiệp	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2013
49	Rà soát hệ thống rừng đặc dụng, phát triển vùng rừng nguyên liệu tập trung, rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn quốc gia	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2013
50	Đề án chính sách giao khoán rừng tự nhiên, rừng sản xuất và rừng phòng hộ	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2013
51	Đề án phát triển có hiệu quả nghề muối, bảo đảm nhu cầu của đất nước và đời sống diêm dân	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2012
52	Đề án bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học và nguồn gen sinh học quý hiếm quốc gia	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2013
53	Đề án khai thác bền vững, có hiệu quả nguồn lợi thủy, hải sản và phát triển đánh bắt xa bờ, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường biển	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2013
54	Đề án rà soát và phát triển giống cây trồng và giống vật nuôi quốc gia	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2013
55	Đề án tập trung ruộng đất quốc gia, đẩy mạnh phát triển sản xuất hàng hóa trong lĩnh vực nông nghiệp	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2013
56	Kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia 5 năm 2016 - 2020	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2015
VII	Phát triển các ngành dịch vụ		
57	Đề án phát triển du lịch quốc gia, trong đó hình thành một số trung tâm du lịch có tầm cỡ khu vực và quốc tế	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	2013

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì¹, đầu mối tổng hợp²	Thời gian phê duyet³, thực hiện⁴
58	Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	2012
59	Quy hoạch phát triển các hệ thống logistics trên phạm vi cả nước đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Bộ Công Thương	2012 - 2014
60	Đề án đẩy mạnh tham gia mạng phân phối toàn cầu, phát triển nhanh hệ thống phân phối các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh ở cả trong và ngoài nước; xây dựng thương hiệu hàng hóa và dịch vụ Việt Nam	Bộ Công Thương	2013
61	Đề án đẩy mạnh phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao (du lịch, hàng hải, hàng không, viễn thông, công nghệ thông tin, y tế); trong đó hình thành một số trung tâm dịch vụ có tầm cỡ quốc tế	Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổng hợp, các Bộ, cơ quan liên quan chủ trì lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ được giao	2013
62	Chiến lược phát triển thông tin đến năm 2020	Bộ Thông tin và Truyền thông	2012
63	Chiến lược phát triển ngành ngân hàng đến năm 2020; xây dựng và phát triển hệ thống tài chính vi mô tại Việt Nam đến năm 2020	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	2012
64	Thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu, phát triển thương mại bền vững, kiểm soát nhập khẩu và kiểm chế nhập siêu	Bộ Công Thương	hàng năm
65	Phát triển thị trường nội địa, khuyến khích người Việt Nam dùng hàng Việt Nam	Bộ Công Thương	hàng năm
VIII	Phát triển vùng, xây dựng đô thị và nông thôn mới		
66	Đề án phát triển kinh tế - xã hội các địa bàn đặc biệt khó khăn quốc gia	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2013
67	Thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia; Chương trình hỗ trợ nhà ở cho người nghèo và các đối tượng chính sách; Chương trình phát triển trung tâm xã, cụm xã quốc gia	Bộ Xây dựng	hàng năm
68	Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng biển và hải đảo Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2012

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì ¹ , đầu mối tổng hợp ²	Thời gian phê duyet ³ , thực hiện ⁴
69	Đề án phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển và phát triển kinh tế biển thích ứng biến đổi khí hậu	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2013
70	Đề án rà soát, xây dựng tiêu chí lựa chọn các khu kinh tế ven biển có điều kiện phát triển thuận lợi để tập trung nguồn lực hoàn thiện kết cấu hạ tầng, tạo động lực phát huy sớm các tiềm năng, thế mạnh của các vùng kinh tế	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2012
71	Thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	hàng năm
72	Đề án đổi mới cơ chế, chính sách, nâng cao chất lượng và quản lý chặt chẽ quy hoạch phát triển đô thị; thí điểm xây dựng chính quyền đô thị	Bộ Xây dựng	2013
73	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội các vùng lãnh thổ, các vùng kinh tế trọng điểm phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2012
74	Đề án phát triển các hành lang, vành đai kinh tế và các cực tăng trưởng có ý nghĩa đối với cả nước và liên kết trong khu vực	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2013
75	Đề án chính sách phát triển vùng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2013
IX	Phát triển văn hóa, xã hội		
76	Chiến lược an sinh xã hội đến năm 2020, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2012 - 2015	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2012
77	Phát triển toàn diện đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, phát huy giá trị tốt đẹp của văn hóa Việt Nam và tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới; phát triển sản xuất các sản phẩm văn hóa nghệ thuật quốc gia	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	hàng năm
78	Đề án đổi mới cơ chế và nâng cao hiệu quả quản lý, đẩy mạnh xã hội hóa và đa dạng hóa nguồn lực đối với các lĩnh vực văn hóa, hình thành thị trường sản phẩm văn hóa lành mạnh	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	2013
79	Nâng cao chất lượng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; xây dựng xã, phường, khu phố, thôn, bản đoàn kết, dân chủ, kỷ cương, văn minh, lành mạnh	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	hàng năm

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì ¹ , đầu mối tổng hợp ²	Thời gian phê duyet ³ , thực hiện ⁴
80	Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020, Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc ít người đến năm 2020	Ủy ban Dân tộc	2012
81	Xây dựng các chiến lược, chương trình quốc gia về chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em, về bình đẳng giới	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2012
82	Xây dựng các chiến lược, chương trình quốc gia về xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	2012
X	Phát triển y tế, chăm sóc sức khoẻ nhân dân		
83	Quy hoạch chi tiết phát triển công nghiệp dược đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Bộ Y tế	2012
84	Quy hoạch tổng thể phát triển dược liệu đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Bộ Y tế	2012
85	Đề án nâng cao chất lượng dinh dưỡng và sức khỏe, tầm vóc con người Việt Nam	Bộ Y tế	2012
86	Thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình quốc gia	Bộ Y tế	hàng năm
87	Đề án hoàn chỉnh hệ thống dự báo, phòng, chống dịch bệnh và tiêm phòng (bao gồm phát triển hệ thống bệnh viện và trung tâm y tế dự phòng)	Bộ Y tế	2013
88	Đề án nâng cấp hệ thống y tế dự phòng và khám chữa bệnh từ cơ sở đến Trung ương	Bộ Y tế	2013
89	Đề án đẩy mạnh phát triển dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe chất lượng cao; đổi mới, hoàn thiện đồng bộ chính sách bảo hiểm y tế khám chữa bệnh và viện phí	Bộ Y tế	2013
90	Kế hoạch thực hiện lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân	Bộ Y tế	2012
91	Đề án đẩy mạnh xã hội hóa và đa dạng hóa nguồn lực đối với các lĩnh vực y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình	Bộ Y tế	2013
92	Đề án đẩy mạnh xã hội hóa và đa dạng hóa nguồn lực đối với lĩnh vực thể dục thể thao	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	2013

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì ¹ , đầu mối tổng hợp ²	Thời gian phê duyet ³ , thực hiện ⁴
93	Chương trình hành động quốc gia về thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp giai đoạn 2012 - 2020	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	2012
XI	Phát triển khoa học và công nghệ		
94	Chiến lược phát triển khoa học công nghệ của Việt Nam đến năm 2020	Bộ Khoa học và Công nghệ	2012
95	Đề án đầu tư xây dựng một số viện nghiên cứu trọng điểm đầu ngành và một số trường đại học nghiên cứu đạt trình độ khu vực và quốc tế	Bộ Khoa học và Công nghệ	2012
96	Đề án xây dựng các trung tâm nghiên cứu và đổi mới sáng tạo quốc gia, trung tâm ươm tạo công nghệ và doanh nghiệp công nghệ cao tại các khu công nghệ cao	Bộ Khoa học và Công nghệ	2012
97	Đề án xây dựng hệ thống tiêu chuẩn quốc gia và đánh giá chất lượng quốc gia; nâng cao hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt chuẩn mực quốc tế, đặc biệt chú trọng đến tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm	Bộ Khoa học và Công nghệ	2012
98	Đề án đổi mới tổ chức, cơ chế quản lý và hoạt động khoa học - công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	2012
99	Đề án đẩy mạnh ứng dụng và phát triển các công nghệ xanh, sạch, tiết kiệm năng lượng và sử dụng năng lượng sạch	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2013
100	Thực hiện Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia, Chương trình sản phẩm quốc gia và Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao	Bộ Khoa học và Công nghệ	hàng năm
101	Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ nông nghiệp, nông thôn đến năm 2030	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2012
102	Đề án xây dựng và triển khai lộ trình phát triển kinh tế tri thức đến năm 2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2013
103	Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học xã hội, nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, cung cấp luận cứ khoa học cho phát triển đất nước giai đoạn mới	Viện Khoa học xã hội Việt Nam	hàng năm

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì ¹ , đầu mối tổng hợp ²	Thời gian phê duyet ³ , thực hiện ⁴
XII	Bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai		
104	Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về bảo vệ môi trường; thực hiện chương trình xử lý ô nhiễm, suy thoái, bảo vệ môi trường	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2013
105	Đề án xây dựng tiêu chuẩn và đánh giá chất lượng môi trường quốc gia	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2013
106	Đề án xây dựng và hiện đại hóa hệ thống dự báo thiên tai và biến đổi khí hậu quốc gia	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2013
107	Rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách bảo vệ, khai thác tài nguyên biển, đất, nước, khoáng sản chủ yếu; hạn chế xuất khẩu tài nguyên khoáng sản chưa qua chế biến	Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương	2013
108	Đề án xây dựng, thực hiện Chương trình ứng phó biến đổi khí hậu quốc gia, nhất là nước biển dâng và sa mạc hóa	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2013
109	Chiến lược phát triển xanh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2012
XIII	Mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế		
110	Phát triển và nâng cấp quan hệ đối tác chiến lược của Việt Nam với một số nước ASEAN và trên thế giới	Bộ Ngoại giao	hàng năm
111	Tăng cường quản lý nhà nước về điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế và thực hiện cam kết quốc tế của Việt Nam	Bộ Ngoại giao	hàng năm
112	Đề án đánh giá thực trạng đầu tư trực tiếp nước ngoài và định hướng đến năm 2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2012
113	Phát huy vai trò và nguồn lực của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài vào phát triển đất nước	Bộ Ngoại giao	hàng năm
114	Tiếp tục giải quyết các vấn đề còn tồn tại về biên giới, lãnh thổ, thềm lục địa với các nước có liên quan	Bộ Ngoại giao	hàng năm

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì ¹ , đầu mối tổng hợp ²	Thời gian phê duyet ³ , thực hiện ⁴
115	Chủ động và nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế; tham gia tích cực phát huy vai trò trong các tổ chức quốc tế, khu vực mà Việt Nam tham gia	Bộ Ngoại giao	hàng năm
116	Chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế đến năm 2020	Bộ Công Thương	2012
XIV	Giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội		
117	Các nhiệm vụ đối ngoại liên quan đến biên giới quốc gia và xác định ranh giới trên biển	Bộ Ngoại giao	2013
118	Quy hoạch xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng theo Nghị quyết số 06-NQ/TW	Bộ Quốc phòng	2013
119	Chiến lược tổng thể về biên giới quốc gia	Bộ Quốc phòng	2012
120	Đề án nâng cao năng lực quản lý, bảo vệ biên giới đến năm 2020	Bộ Quốc phòng	2012
121	Chiến lược quốc gia phòng chống tội phạm đến năm 2020	Bộ Công an	2012
122	Đề án phát triển công nghiệp hỗ trợ công tác bảo đảm an ninh và trật tự an toàn xã hội	Bộ Công an	2013
123	Đề án phát triển an ninh kinh tế	Bộ Công an	2013
124	Đề án bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội (trong đó bao gồm nhiệm vụ tăng cường hợp tác quốc tế đảm bảo an ninh quốc gia và trật tự xã hội)	Bộ Công an	2013
125	Đề án bảo đảm công tác tài chính, hậu cần, kỹ thuật phục vụ có hiệu quả công tác giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ	Bộ Quốc phòng	2013
126	Đề án bảo đảm công tác tài chính, hậu cần, kỹ thuật phục vụ có hiệu quả công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội	Bộ Công an	2013
127	Đề án phát triển kinh tế kết hợp với bảo đảm quốc phòng - an ninh ở những vùng trọng yếu	Bộ Quốc phòng	2013

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì ¹ , đầu mối tổng hợp ²	Thời gian phê duyet ³ , thực hiện ⁴
128	Chiến lược bảo đảm trật tự an toàn giao thông quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030	Bộ Giao thông vận tải	2012 - 2013
XV	Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước		
129	Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2020	Bộ Nội vụ	hàng năm
130	Nghiên cứu tổng thể về tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ và hệ thống chính quyền địa phương	Bộ Nội vụ	2013
131	Đề án nghiên cứu tổng thể về tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương	Bộ Nội vụ	2015
132	Chiến lược xây dựng, phát triển đội ngũ công chức đến năm 2020	Bộ Nội vụ	2012
133	Đề án tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức	Bộ Nội vụ	2014
134	Đề án đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức	Bộ Nội vụ	2012
135	Đề án một số vấn đề về tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và định hướng cải cách đến năm 2020	Bộ Nội vụ	2012
136	Đề án phòng chống tham nhũng, lãng phí và nghiên cứu kết hợp tổ chức và hoạt động thanh tra với tổ chức và hoạt động kiểm tra của Đảng	Thanh tra Chính phủ	2012